

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo kế hoạch PCCM số /KH-PCCM ngày /9/2023)
(Áp dụng từ tuần 13 đến tuần 17)

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2023-2024	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CD	ĐH					
1	Nguyễn Ngọc Thanh	8/1/1971		X	GD	GDHN 9 (0,8); GDTC 6A2, 6A3 (4); HĐTN, HN 8C3 (3); HĐTN, HN (tiết SHL, SHDC) 6A3 (2);		9.7	
2	Lê Nho Tập	29/7/1978		X	CNTT	Tin học 6 (4); Tin học 8C1, 8C2 (2); GDTC 6A1 (2); C.Nghệ 9 (3); C.ngệ 8C1, 8C2 (3)	CNTT (2)	16	
3	Nguyễn Thị Hiền	9/8/1976		X	Hoá	KHTN 7 (12); Hoá 9D3 (2); HĐTN, HN (tiết_SHL) 7B2 (1)	TTCM (3); CN 7B2 (4)	22	
4	Nguyễn Thị Thía	27/12/1970		X	TD	GDTC khối 9 (6); GDTC khối 8 (6); GDTC khối 7 (6);	TTND (2)	20	
5	Nguyễn Thị Huyền Lương	8/10/1989	X		Sinh-TD	Sinh 9 (6); GDTC 6A4 (2); C.Nghệ 6A3, 6A4 (2); HĐTN, HN 6A4 (3); Nhạc khối 6 (4);	CN lớp 6A4 (4)	21	
6	Hà Kiều Oanh	03/02/1996		X	Toán	Toán 8C1, 8C2, 8C3 (12); Toán 6A1, 6A3 (8); C.Nghệ 8C3 (1,5); Lý 9D2 (2)	CN 8C3 (4);	27.5	
7	Nguyễn Thị Hồng Thanh	13/4/1984		X	Toán	Toán 7B2, 7B3 (8); Toán TC toán 9D3 (5); Tin khối 7 (3), 8C3 (1); HĐTN_SHL_SHDC 7B3 (2); Lý 9D1 (2); Toán 6A4 (4)	CN 7B3 (4); Tổ phó (1)	30	
8	Nguyễn Thị Hương Thùy			X	Toán	Toán TC Toán 9D1, 9D2 (10); Toán 6A2 (4); HĐTN, HN 6A2 (3); C.Nghệ 6A1, 6A2 (2); Toán 7B1 (4);	CN 6A2 (4); UV CD (1)	28	
9	Hoàng Thị Nghệ	14/7/1990		X	Toán - Tin				
10	Đỗ Quỳnh Hương	01/04/1997		X	Vật lý	KHTN 6 (16); Lý 9D3 (2); KHTN 8_Lý (12)	CN lớp 6A3 (4);	34	

B1	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ I, Năm học 2023-2024	Kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CD	ĐH					
11	Đỗ Thị Tuyết Lan	25/10/1972		X	GDCD, (S-H-Đ)	LS-ĐL 6_Địa (6); khối 7 (4,5); khối 8 (4,5); Địa khối 9 (6); C.Nghệ 7 (3); Hóa 9D1, 9D2 (4)		28	
12	Nguyễn Thị Lan	30/9/1973		X	Ngữ văn	Văn, TC Văn 9D3 (6); Văn 7B3 (4); (1); Sử 9 (3); GDĐP 7B1, 7B3 (2); NGLL (0,5); HĐTN, HN (tiết TN theo chủ đề 7B1, 7B3) (2)	CN 9D3 (4); TTCM (3)	24.5	
13	Nguyễn Thị Thu Hà	23/9/1984		X	Ngữ văn	Văn 6A1 (4); Văn 8C1 (4); GDCD khối 8 (3); GDCD 6A1, 6A2 (2); HĐTN, HN 6A1 (3); HĐTN, HN (tiết TN theo chủ đề 6A3,7B2) (2)	CN 6A1 (4); TKHD (2)	24	
14	Nguyễn Thị Tuyết Mai	14/11/1980		X	Ngữ văn	Văn TC văn 9D1 (6); Văn 6A2 (4); GDCD 7B1, 7B3, 7B2 (3); LS-ĐL 6 _Sử 6A1,6A3,6A4 (4,5); NGLL (0,5);	CN 9D1 (4);	22	
15	Phạm Thị Tuyết Ngọc	24/1/1975		X	Ngữ văn	Văn 6A3 (4); Văn 7B1 (4) ; LS-ĐL 7 phân môn Sử (6); GDCD khối 9 (3); HĐTN, HN (tiết SHDC_SHL) 7B1 (2)	CN 7B1 (4); PCTCĐ (3)	26	
16	Lê Thị Phụng	15/11/1973		X	Ngữ văn	Văn TC văn 9D2 (6); Văn 7B2 (4); LS-ĐL 8 phân môn Sử (6); GDĐP 7B2 (1) NGLL (0,5); GDĐP 6A1, 6A2 (2); LS-ĐL 6 phân môn Sử 6A2 (1)	CN 9D2 (4);	24.5	
17	Mạc Thị Duyên			X	Ngữ văn	Văn 8C3 (4); Văn 8C2 (4); Văn 6A4 (4); GDCD 6A3, 6A4 (2); HĐTN, HN 8C2 (3); GDĐP 6A3,6A4 (2); Nhạc 8C2 (1)	CN 8C2 (4)	24	
18	Nguyễn Thị Thương	28/6/1980		X	Mỹ thuật	MT 6 (4); MT khối 7 (3); MT khối 8 (3); Nhạc khối 9 (3); Nhạc 8C3 (1); H ĐTN, HN (tiết SHDC 7B2) (1)	TPT (9,5)	24.5	
19	Nguyễn Thế Hoan	16/4/1975		X	T.Anh	T.Anh khối 6 (12); T.Anh khối 7 (9); Nhạc 7 (3)		24	
20	Hoàng Thị Lan Hương	27/4/1977		X	T.Anh	T.Anh khối 8 (9); T.Anh khối 9 (9); Nhạc 8C (1); HĐTN, HN 8C1 (3)	Tổ phó (1) CN 8C1 (4)	27	

Ghi chú:

BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN